

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EDUSGROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EDUSGROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109115464

**3. Ngày thành lập:** 04/03/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 7, trung tâm thương mại Vân Hồ, số 51 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02462536310

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                        | 6810(Chính) |
| 2.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất.                                                                                                                                                                                                    | 6820        |
| 3.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7911        |
| 4.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5510        |
| 5.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7912        |
| 6.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5610        |
| 7.  | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)                                                                                                                                                                                                                                       | 9610        |
| 8.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8511        |
| 9.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8521        |
| 10. | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8512        |
| 11. | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8522        |
| 12. | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8523        |
| 13. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8531        |
| 14. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8532        |
| 15. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8533        |
| 16. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính; | 8559        |
| 17. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8560        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC HÙNG Giới tính: *Nam*  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: *02/09/1970* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*  
Số giấy chứng thực cá nhân: *025070000235*  
Ngày cấp: *29/05/2018* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 14 tổ 3B, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
Chỗ ở hiện tại: *Số 14 tổ 3B, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội